CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dược thú y Cai Lậy

Ngày 31/12/2025	15,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.7%	**58.9%**	**57.3%**

DT thuần
Q4/25
39.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.70| -6.5%
YoY: ▲ 11.8| 42.5%

LN thuần
Q4/25
8.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.62| 22.8%
YoY: ▲ 8.22| 1612%

LN sau thuế
Q4/25
6.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.29| 22.7%
YoY: ▲ 6.73| 2694%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
14.2%
YoY: +/-▲ 5.6%

ROE
2025
17.7%
YoY: +/-▲ 8.9%

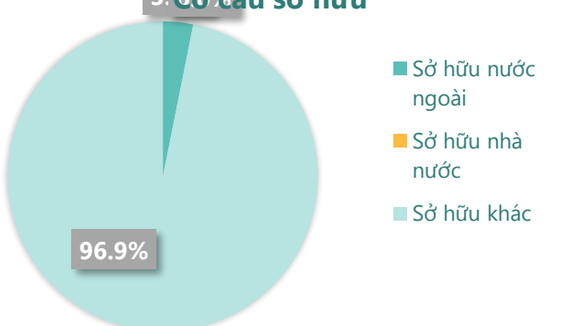
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,500 - 17,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	76
Số lượng CPLH (CP)	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,260
Sở hữu nước ngoài	3.1%
Beta	0.09
EPS	3,380
P/E	4.5

DT thuần
2025
149
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.0| 39.1%

LN thuần
2025
21.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.7| 126%

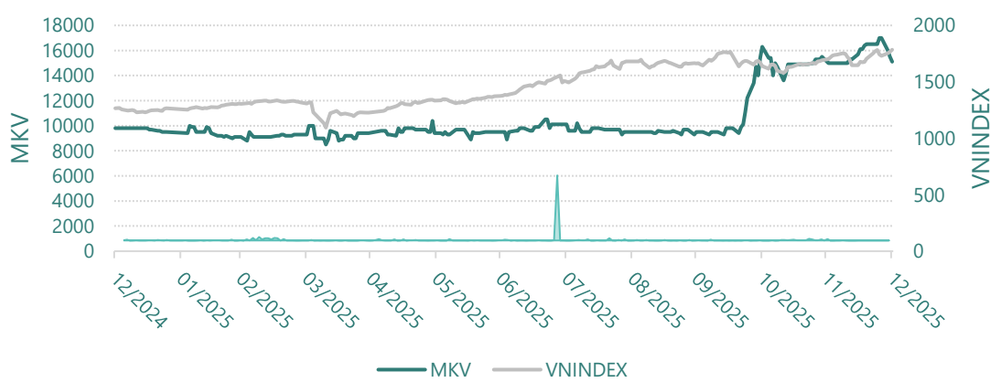
LN sau thuế
2025
16.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.58| 131%

Cơ cấu sở hữu

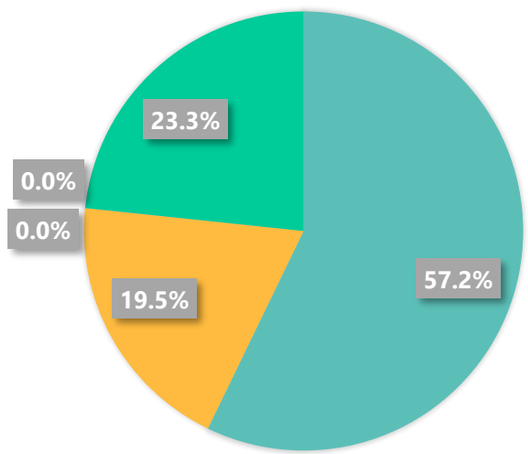


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



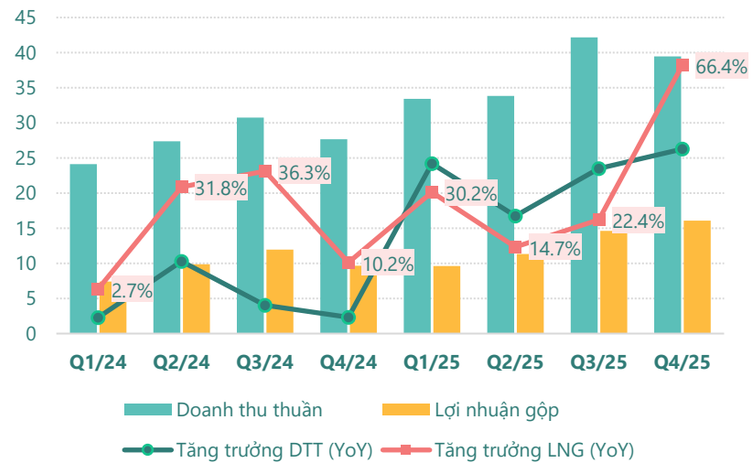
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

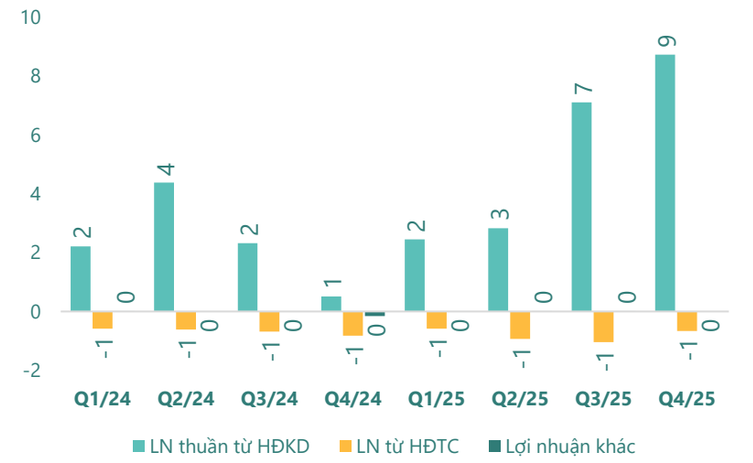
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



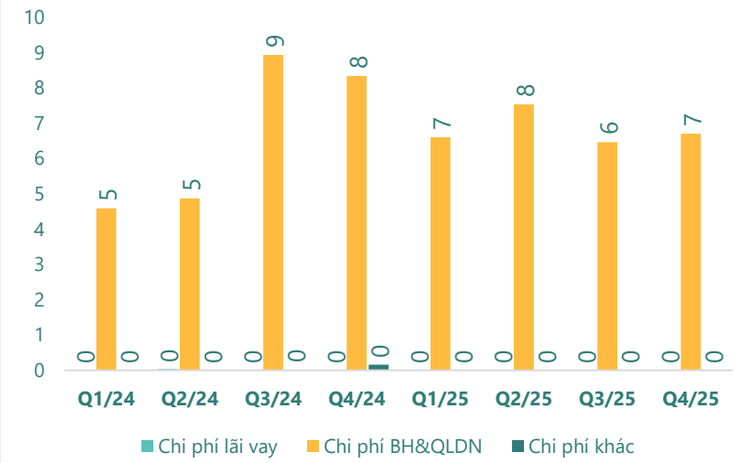
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



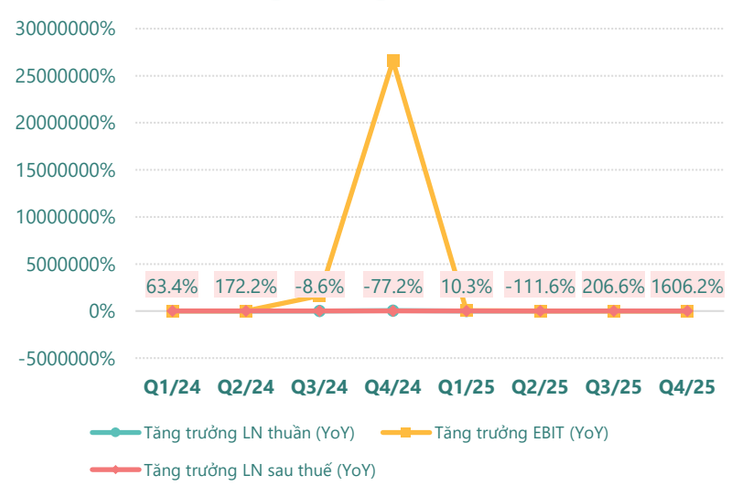
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



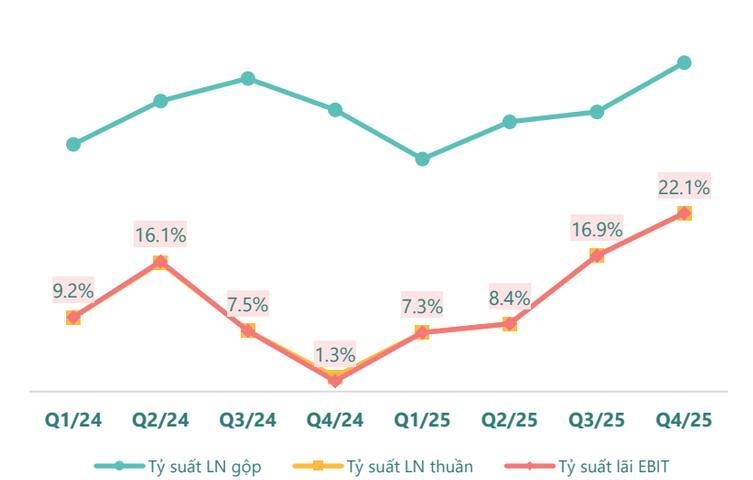
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



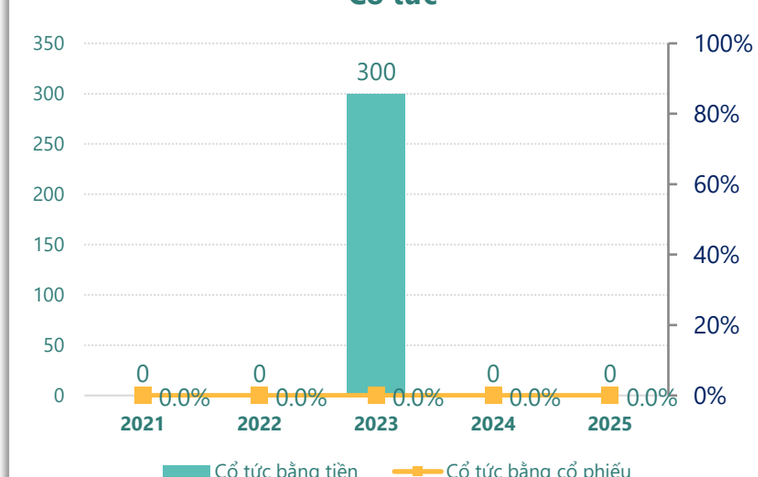
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



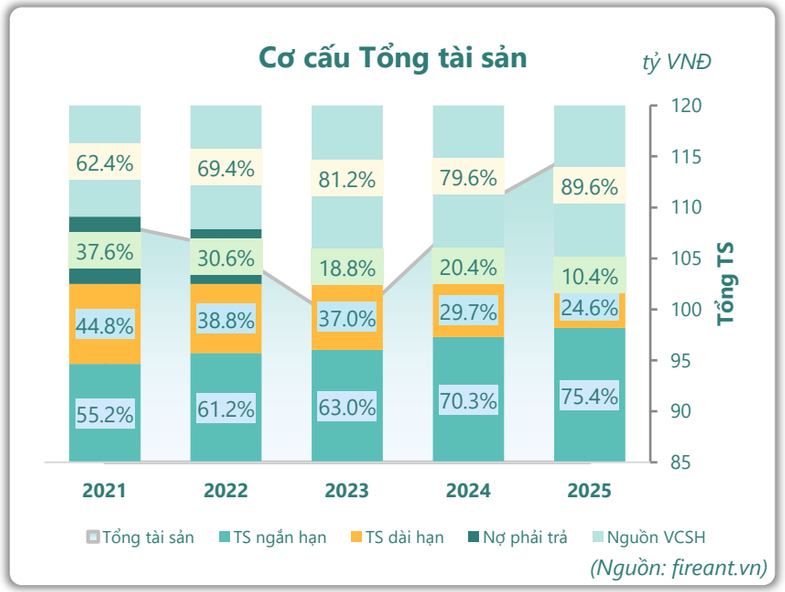
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

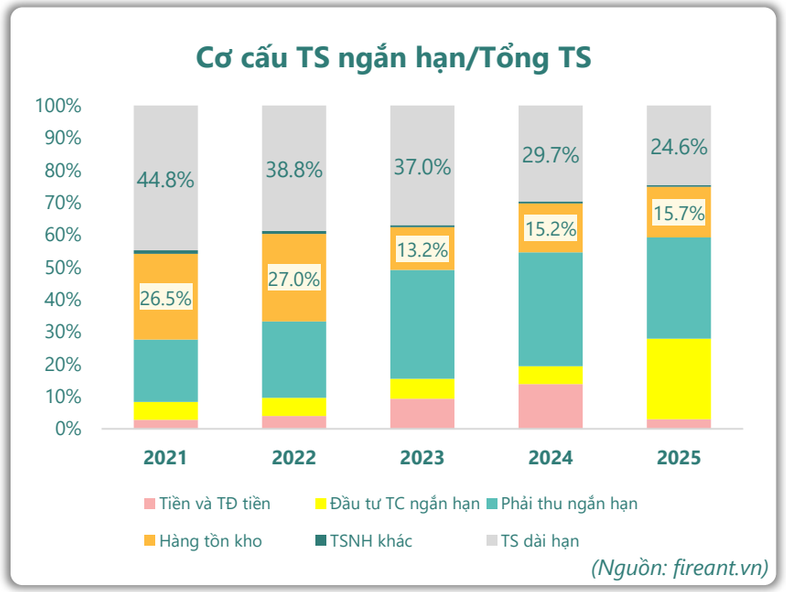


(Nguồn: fireant.vn)

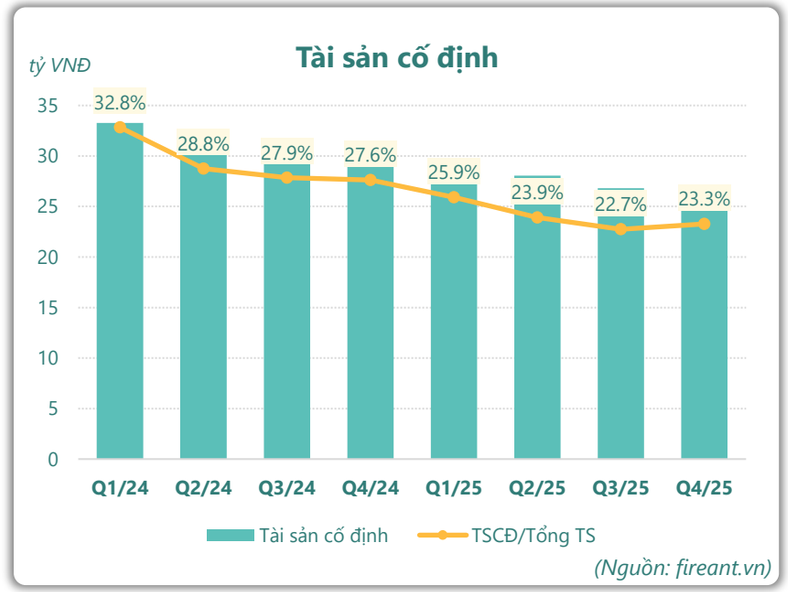
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



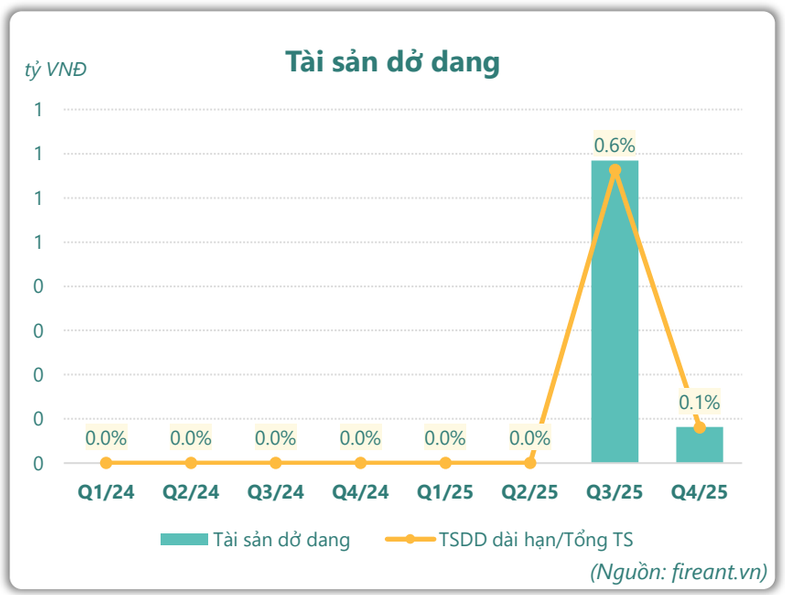
(Nguồn: fireant.vn)



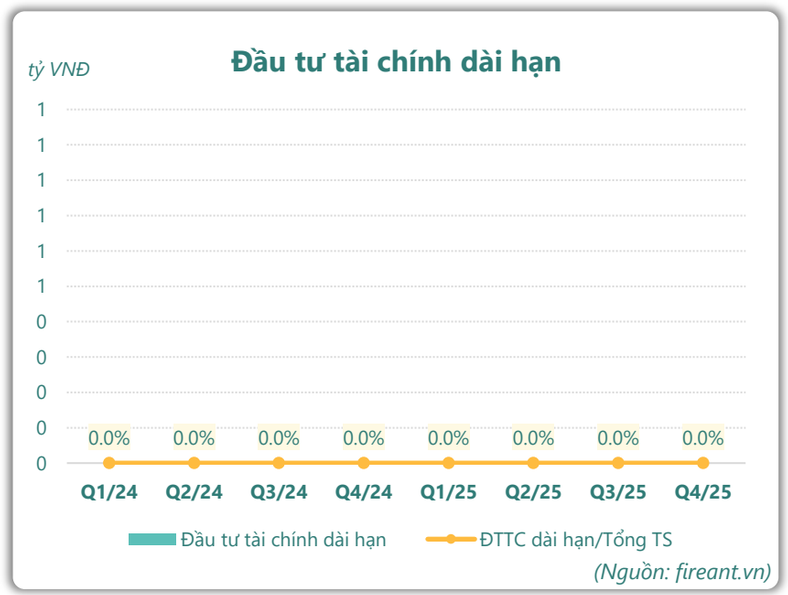
(Nguồn: fireant.vn)



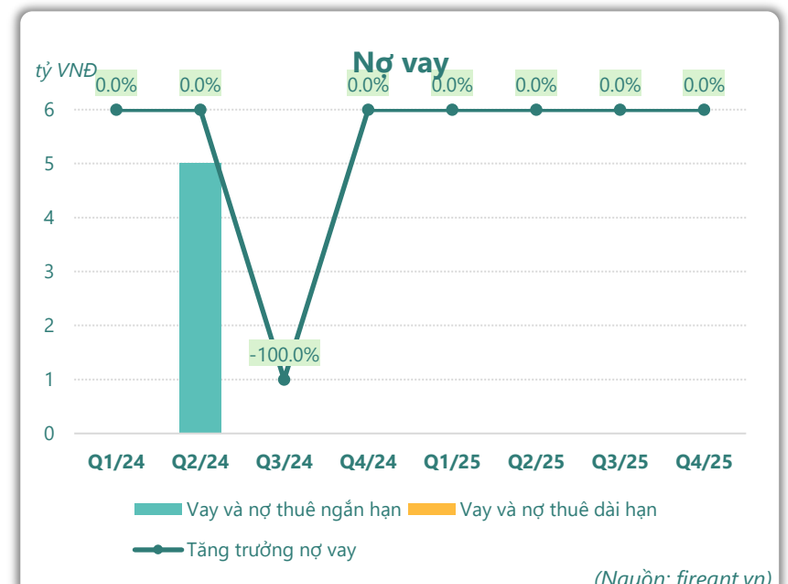
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



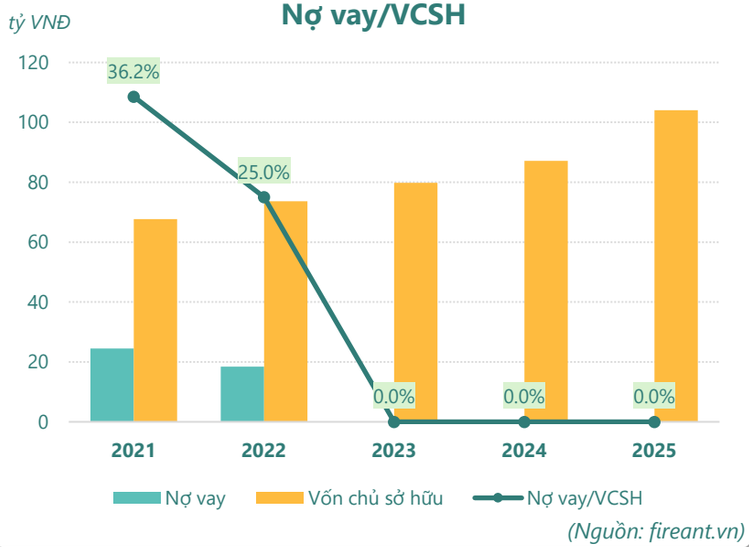
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

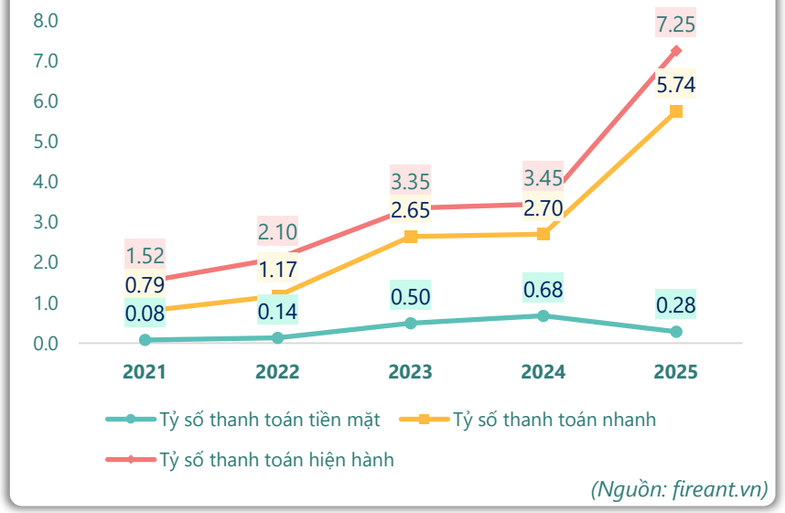
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



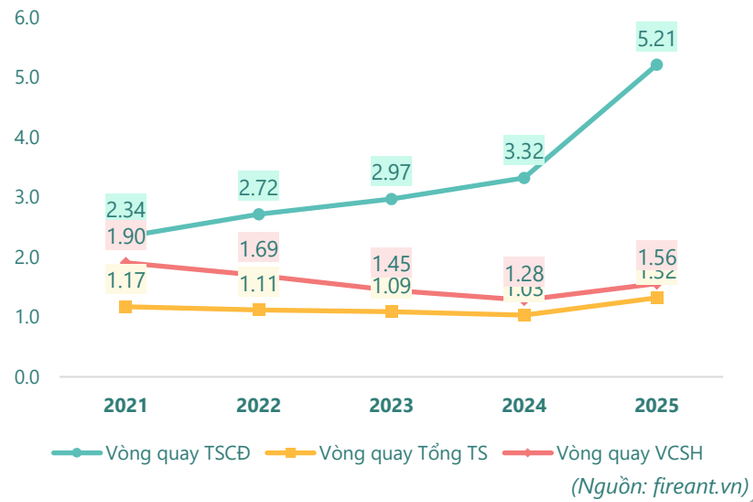
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



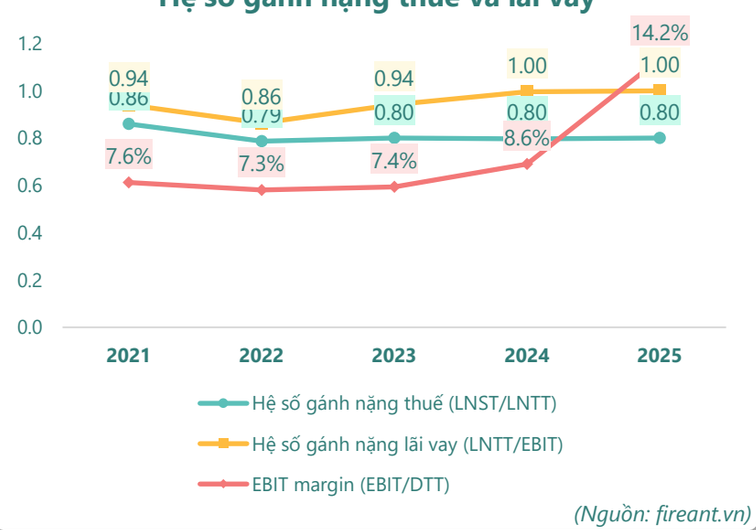
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



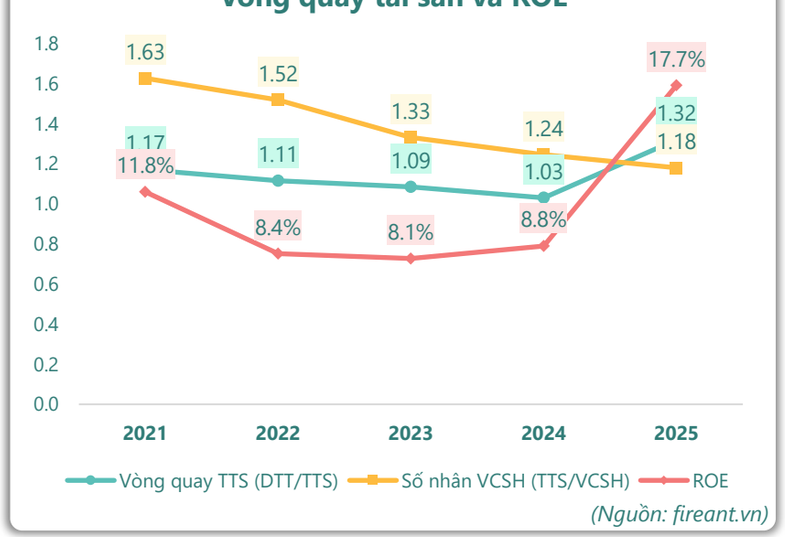
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



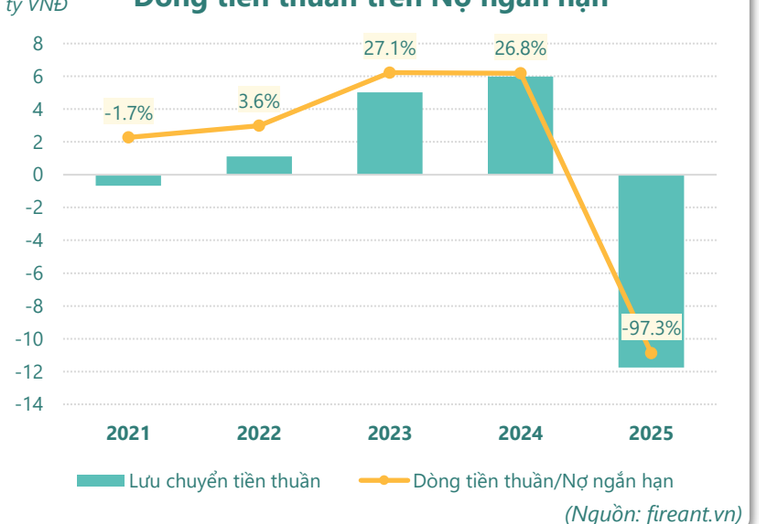
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**39.5**	**27.7**	**42.5%**	**149**	**107**	**39.1%**
Giá vốn hàng bán	23.4	18.0	29.9%	97.2	71.1	36.7%
Lợi nhuận gộp	16.1	9.67	66.5%	51.7	35.9	43.8%
Doanh thu HĐTC	0.39	0.13	199%	0.89	0.47	90.3%
Chi phí TC	1.05	0.95	10.5%	4.11	3.17	29.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.04	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.98	6.41	-22.3%	21.1	16.3	29.2%
Chi phí QLDN	**1.72**	**1.93**	**-10.7%**	**6.20**	**7.54**	**-17.7%**
LN thuần từ HĐKD	8.73	0.51	1612%	21.1	9.36	126%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.15**	**99.1%**	**0.00**	**-0.16**	**98.7%**
LN trước thuế	8.73	0.36	2325%	21.1	9.20	130%
Lợi nhuận sau thuế	**6.98**	**0.25**	**2694%**	**16.9**	**7.32**	**131%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.98**	**0.25**	**2694%**	**16.9**	**7.32**	**131%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.94	3.38	2.19	5.97	6.71	-2.95
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.15	0.12	-0.84	-9.92	16.6	-29.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	13.6	11.7	15.2	16.5	12.6	35.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.93**	**3.49**	**1.35**	**-3.95**	**23.3**	**-32.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.7	15.2	16.5	12.6	35.9	3.42

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**116**	**109**	**6.1%**
Tài sản ngắn hạn	87.6	77.0	13.8%
Tiền và tương đương tiền	3.42	15.2	-77.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.0	6.00	383%
Phải thu ngắn hạn	36.3	38.5	-5.7%
Hàng tồn kho	18.2	16.6	9.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.61	0.63	-2.7%
Tài sản dài hạn	**28.6**	**32.5**	**-12.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	27.0	30.1	-10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.46**	**2.37**	**-38.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12.1	22.3	-45.9%
Nợ ngắn hạn	**12.1**	**22.3**	**-45.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.29	1.54	-15.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**104**	**87.1**	**19.4%**
Vốn chủ sở hữu	**104**	**87.1**	**19.4%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)